Phát triển hệ thống DW và DSSS cho Hệ thống chuỗi cà phê

Mini project - Group 6 + Group 7

- I. Đặt vấn đề
- II. Thu thập nhu cầu
- III. Phân tích hệ thống
- IV. Thiết kế hệ thống
- V. Implementation tool
- VI. Giao diện hệ thống
- VII. Đánh giá hệ thống
- VIII. Bài học kinh nghiệm

VẤN ĐỀ

- Sự phát triển của hệ thống cửa hàng và doanh nghiệp, nhu cầu sử dụng dữ liệu bán hàng để có được cái nhìn tổng quan về sản phẩm, doanh thu, từ đó có thể tối ưu và đưa ra được các quyết định hợp lí
- Chưa có cái nhìn tổng quan về dữ liệu bán hàng của toàn bộ các cơ sở.
 Hiện tại dữ liệu vẫn đang được quản lý của mỗi cửa hàng thực hiện qua file excel -> mất nhiều thời gian và có thể dẫn đến sai sót

GIẢI PHÁP

- Xây dựng một hệ thống hỗ trợ ra quyết định (DSS) nhằm hỗ trợ các nhà quản lý ra quyết định, không thay thế người quản lý -> nhằm nâng cao hiệu của việc ra quyết định của nhà quản lý.
- Việc xây dựng DSS nhằm mục đích chính là tạo ra một kho dữ liệu tập trung, làm nền tảng hỗ trợ trong việc ra quyết định. Giúp người quản lý quyết định có thông tin chính xác, kịp thời và có liên quan. Cụ thể: Cung cấp thông tin chi tiết toàn diện về doanh số, các xu hướng về sản phẩm và xu hướng mua sản phẩm của khách hàng.

MỤC TIÊU CỦA HỆ THỐNG

- Xác định các mô hình bán hàng dựa trên vị trí địa lý.
- Liên hệ thông tin nhân khẩu học và sở thích của khách hàng với doanh số bán sản phẩm.
- Cung cấp thông tin chi tiết có thể thực hiện được để cải thiện doanh số, tối ưu hóa hàng tồn kho và nhắm mục tiêu vào các nỗ lực tiếp thị.



THU THẬP YÊU CẦU

- 1. Thu thập thông tin nhu cầu người sử dụng
- Xác định người dùng hệ thống: sale manager
- Phỏng vấn người dùng hệ thống để tìm hiểu các nhu cầu về dữ liệu mà một sale manager cần có để có thể ra quyết định
- Qua việc phỏng vấn và thu thập thông tin, các chỉ số người dùng cần để có thể ra quyết định bao gồm:

THU THẬP YÊU CẦU

| Doanh thu | Tổng doanh thu của toàn bộ của hàng trên toàn quốc Tổng doanh thu của toàn bộ của hàng trên toàn quốc được phân bổ theo tháng Tổng doanh thu theo từng loại đồ uống trên toàn quốc Tổng doanh thu theo từng cửa hàng | | | | | |
|------------|---|--|--|--|--|--|
| Sản phẩm | Top 10 sản phẩm được bán nhiều nhất toàn quốc Doanh thu của từng loại sản phẩm theo từng tháng của toàn bộ cửa hàng trên toàn quốc | | | | | |
| Khách hàng | Tổng số lượng khách hàng hiện có của doanh nghiệp Sự phân bổ của khách hàng theo giới tính Top những khách hàng mua mua hàng nhiều nhất (Tính theo doanh thu) | | | | | |
| Xu hướng | Xu hướng phân bổ doanh thu theo tháng của toàn bộ các cửa hàng Xu hướng phân bổ doanh thu theo tháng của mỗi của hàng trong hệ thống | | | | | |



THU THẬP YÊU CẦU

- 2. Nghiên cứu hệ thống hiện có để thu thập dữ liệu phục vụ hệ thống
- Hiện tại, mỗi cửa hàng chuỗi cafe đều có hệ thống máy POS để phục vụ việc ghi lại toàn bộ các transaction của cửa hàng.
- Doanh nghiệp có hệ thống CRM để quản lý thông tin về khách hàng.



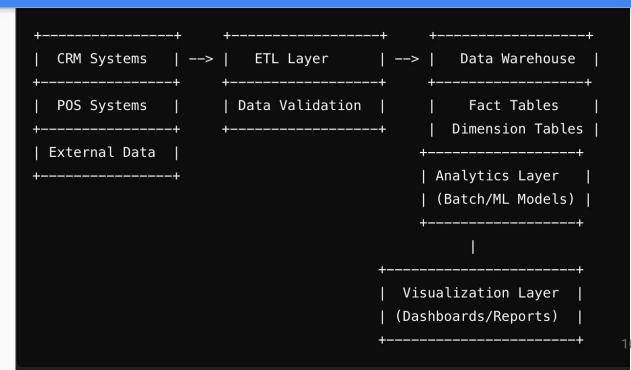
PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

| Yêu cầu chức năng | Yêu cầu phi chức năng | | |
|--|--|--|--|
| Thu thập và xử lý thông tin: thu thập thông tin từ các nguồn là các hệ thống hiện có: thông tin transaction từ hệ thống POS tại mỗi cửa hàng, thông tin khách hàng từ hệ thống CRM | Khả năng mở rộng: Xử lý các tập dữ liệu lớn từ nhiều cửa hàng | | |
| Hiển thị thông tin và thực hiện báo cáo: xây dựng dashboard để thể hiện thông tin, giúp người dùng có thể dễ dàng hiểu được các thông tin cần thiết và giúp hỗ trợ ra quyết định | Khả năng sử dụng: Cung cấp giao diện trực quan có thể truy cập được cho người dùng không có kỹ thuật | | |
| | Bảo mật: Đảm bảo quyền riêng tư của dữ liệu và tuân thủ các quy định (ví dụ: GDPR) | | |



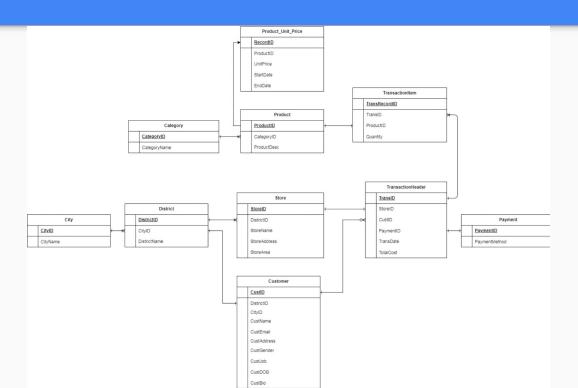
1. Tổng quan hệ thống

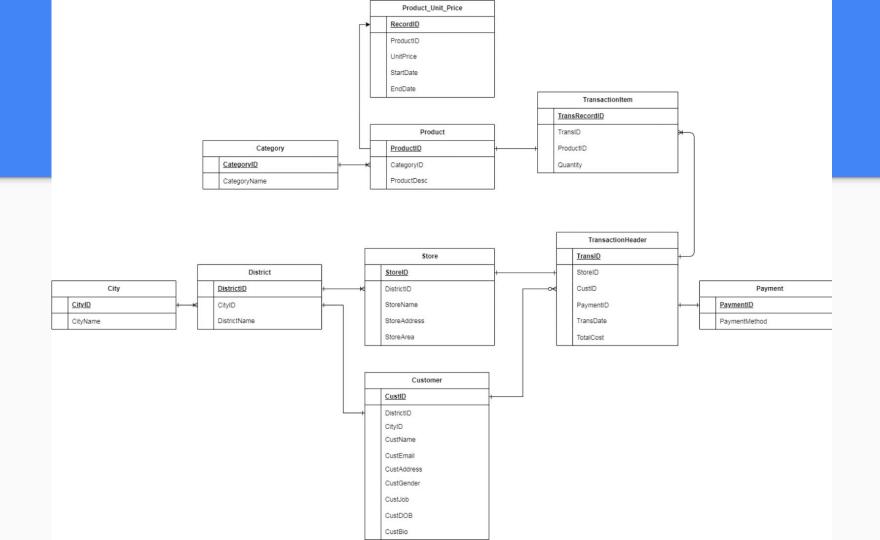
Để hình dung tổng quan, hệ thống được thiết kế dưới dạng high-level system landscape như sau:





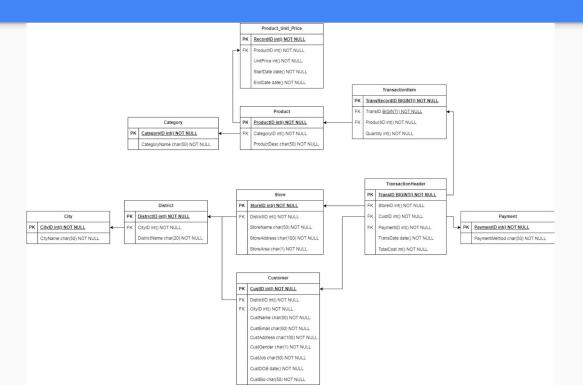
2. Thiết kế conceptual data warehouse

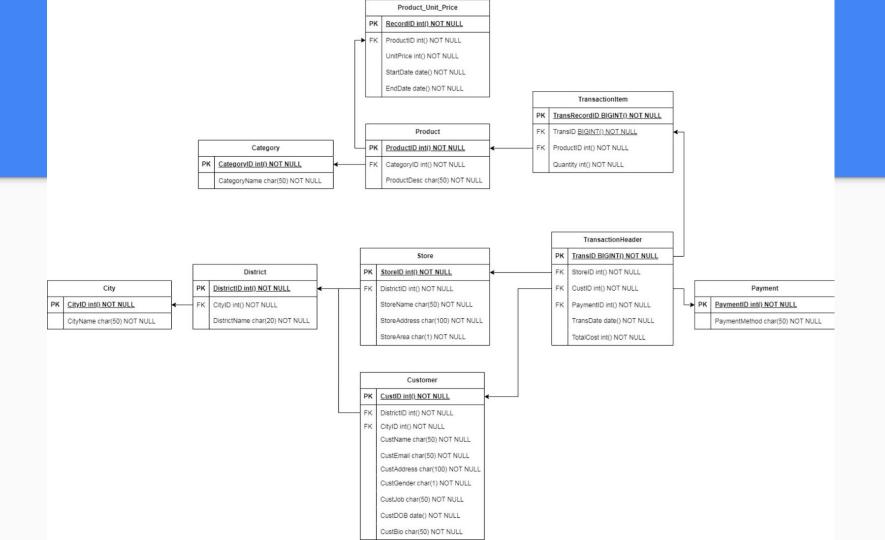






3. Thiết kế logical data warehouse







4. Bảng mô tả dữ liệu trong data warehouse

| No. | Dimension | Field | Key | Attribute | Length |
|---------------|-----------|-------------|-----|-----------|--------|
| | | CustID | PK | INT | |
| | | CustName | | CHAR | 50 |
| | | CustEmail | | CHAR | 50 |
| | | CustAddress | | CHAR | 100 |
| 1 Customer | 1 | DistrictID | FK | INT | |
| | Customer | CityID | FK | INT | |
| | | CustGender | | CHAR | 1 |
| | | CustJob | | CHAR | 50 |
| | | CustDOB | | DATE | |
| | | CustBio | | CHAR | 50 |



4. Bảng mô tả dữ liệu trong data warehouse

| No. | Dimension | Field | Key | Attribute | Length |
|------------|----------------------|--------------|-----|-----------|--------|
| | | StoreID | PK | INT | |
| 2 Store | 2 | StoreName | | CHAR | 50 |
| | | StoreAddress | | CHAR | 100 |
| | Store | StoreArea | | CHAR | 1 |
| | | DistrictID | FK | INT | |
| Dis | 2 | DistrictID | PK | INT | |
| | 3 District | DistrictName | | CHAR | 20 |
| | | CityID | FK | INT | |
| C | 1 | CityID | PK | INT | |
| | 4 City | CityName | | CHAR | 50 |
| | | PostalCode | | CHAR | 6 |



4. Bảng mô tả dữ liệu trong data warehouse

| No. | Dimension | Field | Key | Attribute | Length |
|----------------------|-----------------|---------------|-----|-----------|--------|
| 5 Payment | | PaymentID | PK | INT | |
| | | PaymentMethod | | CHAR | 50 |
| | 6 | ProductID | PK | INT | |
| 6 Product | | ProductDesc | | CHAR | 50 |
| | Product | CategoryID | FK | INT | |
| | 7 | CategoryID | PK | INT | |
| Category | | CategoryName | | CHAR | 50 |
| 8 Product_Unit_Price | | RecordID | PK | INT | |
| | Q | ProductID | FK | INT | |
| | | UnitPrice | | INT | |
| | oduct_omt_Price | StartDate | | DATE | |
| | | EndDate | | DATE | |



4. Bảng mô tả dữ liệu trong data warehouse

| No. | Dimension | Field | Key | Attribute | Length |
|-----|----------------|---------------|-----|-----------|--------|
| | | TransID | PK | BIGINT | |
| | | TransDate | | DATE | |
| | 9 | StoreID | FK | INT | |
| Tra | nsactionHeader | CustID | FK | INT | |
| | | PaymentID | FK | INT | |
| | | TotalCost | | INT | |
| | | TransRecordID | PK | BIGINT | |
| 10 | | TransID | FK | BIGINT | |
| | | ItemNo. | | CHAR | 2 |
| Ti | ransactionItem | ProductID | FK | INT | |
| | | ProductDesc | | CHAR | 50 |
| | | Quantity | | INT | |



IMPLEMENTATION TOOL

- Do giới hạn về thời gian thực hiện đề tại nên nhóm sử dụng ngôn ngữ Python để thực hiện tạo mới và xử lý dữ liệu (ETL) trước khi thực hiện lưu trữ dữ liệu vào data warehouse.
- Hệ thống sử dụng platform Snowflake (https://www.snowflake.com/en/)
 để làm data warehouse và thực hiện việc hiển thị thông tin dashboard.





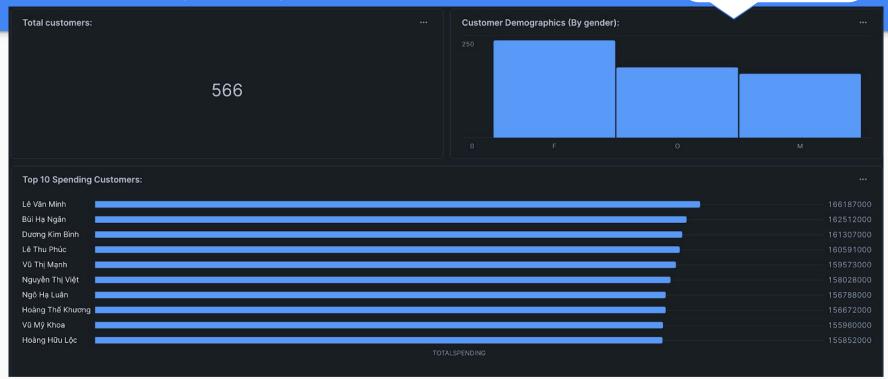


Dashboard hiển thị thông tin sale



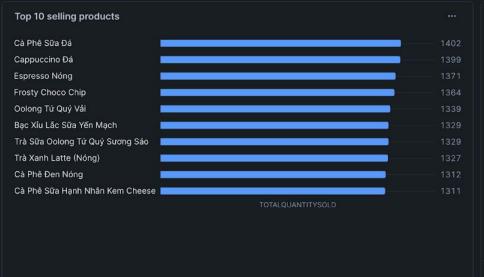


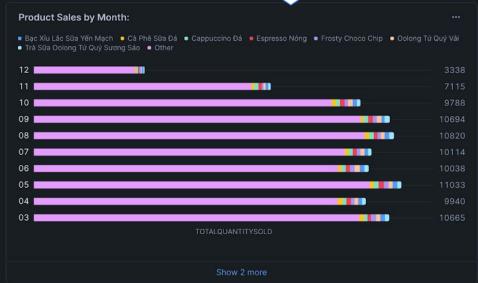
Dashboard hiển thị thông tin khách hàng





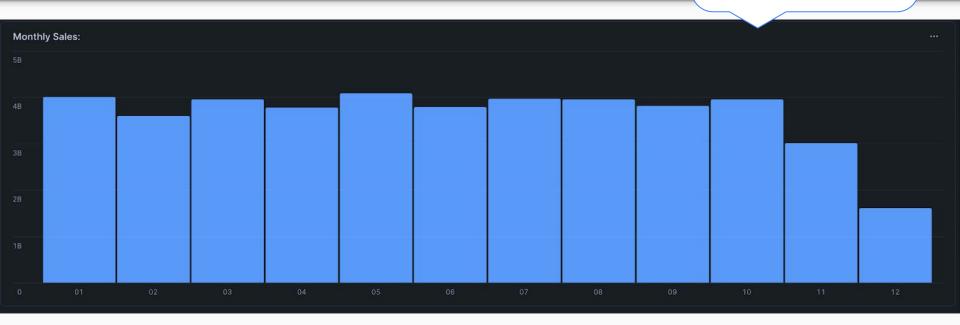
Dashboard hiển thị thông tin sản phẩm







Dashboard hiển thị thông tin xu hướng doanh thu





Xu hướng doanh thu theo từng cửa hàng



01 02 03 04 05 06 07 08 09 10 11 12

Cửa hàng 1 HCM



























ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG

- Việc thiết kế hệ thống hiện tại dựa trên những yêu cầu hiện tại về mặt nghiệp vụ, trong tương lai vẫn có thể có những thay đổi hoặc tinh chỉnh sau quá trình sử dụng của người dùng.
- Đối với việc đánh giá hệ thống dựa trên việc đo lường sự tác động hay hiệu quả của hệ thống tới kết quả kinh doanh hiện tại chưa thể đo lường được.



BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Hiểu rõ nhu cầu nghiệp vụ
- Thiết kế mô hình dữ liệu hiệu quả:
 - Chuẩn hóa dữ liệu: Giảm thiểu dữ liệu trùng lặp, đảm bảo tính nhất quán và toàn vẹn.
 - Đặt tên rõ ràng và nhất quán: Sử dụng quy tắc đặt tên dễ hiểu và thống nhất trong toàn bộ hệ thống.
- Xây dựng quy trình ETL mạnh mẽ:
 - Trích xuất dữ liệu chính xác: Đảm bảo dữ liệu được trích xuất từ các nguồn khác nhau một cách đầy đủ và chính xác.
 - Làm sạch và biến đổi dữ liệu: Xử lý dữ liệu thiếu, sai sót, và chuyển đổi dữ liệu sang định dạng phù hợp.

THANK YOU TO LISTENING! Q&A